

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 102A Khu B, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Anh Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Bé T trình bày:

Bà T, ông Đ được hai gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ở xã Bình An, huyện Thủ Thừa. Sau khi cưới, ông bà sống tại nhà chồng ở Ấp 5, xã N, huyện T và sinh được con chung tên Phan Tường Vy, sinh ngày 12/9/2016, hiện nay do ông Đ đang nuôi dưỡng. Khoảng giữa năm 2018, xảy ra mâu thuẫn do ông Đ ghen tuông vô cớ dẫn đến cãi nhau, sau này mâu thuẫn thêm về kinh tế. Ngày 17/11/2018, bà T về nhà cha, mẹ ruột ở ấp V, xã B, huyện T sinh sống đến nay, con chung do ông Đ nuôi dưỡng. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ. Về con chung bà T đồng ý cho ông Đ tiếp tục nuôi con, bà T không phải cấp

dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Anh Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có bằng tường trình, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng nghĩa vụ và thực hiện đầy đủ quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, giao con chung cho ông Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Anh Đ. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

[2] Ông Phan Anh Đ đã được Tòa án thông báo đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Bà Trần Thị Bé T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông Đ qua quen biết rồi tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới năm 2016, đến ngày 11/4/2016 đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Long An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/2016. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, từ tháng 11/2018 bà T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Xét thấy thời gian ly thân ông Đ và bà T không có thiện chí hàn gắn tình cảm để trở về chung sống với nhau. Ông Đ được thông báo đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng ông Đ không đến tham dự phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa chứng tỏ ông Đ không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Thấy rằng, giữa ông bà tuy không xảy ra bạo lực gia đình, nhưng tình cảm không đầm ấm và hiện đã ly thân thời gian tương đối dài. Bà T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, cháu Phan Tường Vy là con chung của bà T và ông Đ hiện nay được ông

Đ nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu nuôi con và đồng ý giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Vy hiện tại do ông Đ nuôi dưỡng và bà T không có yêu cầu nuôi con nên cần thiết tiếp tục giao cháu Phan Tường Vy cho ông Phan Anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bé T đối với ông Phan Anh Đ.

Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Giao cho ông Phan Anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phan Tường Vy, sinh ngày 12/9/2016. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của bà T và ông Đ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001655 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hoàng Quân